

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THEO DÕI, THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chủ trì	Phối hợp
1	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
2	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
3	50% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
4	60% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
5	95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 75% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 40% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
6	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
7	Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chủ trì	Phối hợp
8	70% CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu số và công nghệ số	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
9	50% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
10	30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
11	Phần đầu kinh tế số chiếm 12% GRDP	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Doanh nghiệp
12	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 7%	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Doanh nghiệp
13	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.	Các Doanh nghiệp	Cục thuế tỉnh
14	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30%.	Các Doanh nghiệp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
15	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã	Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố;
16	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G	Sở Thông tin và Truyền thông các doanh nghiệp viễn thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố;
17	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt từ 70%.	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chủ trì	Phối hợp
18	Phấn đấu 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý. 50% trường học, cơ sở giáo dục sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
19	Phấn đấu 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số. 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Phấn đấu đạt trên 90% người dân tỉnh Đắk Lắk có Hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
20	100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
21	Tối thiểu 95% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
22	100% cán bộ chuyên trách CNTT tại các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin, xử lý ứng cứu sự cố an toàn mạng.	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
23	100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan (bao gồm cả các đơn vị, tổ chức nhà nước trực thuộc) được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
24	100% các cơ sở giáo dục được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã,	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động, Thương

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chủ trì	Phối hợp
	gia môi trường mạng an toàn	thành phố	binh và Xã hội
25	100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân trẻ em hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh